

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/10/2018

“V/v hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Cao Cường và Ông Đậu Thanh Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhung - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 17 và 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Như Q; sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn VP, xã TS, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng Q; sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn VP, xã TS, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Q; sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn VP, xã TS, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Viết X; sinh năm 1985; nơi cư trú: Khối 8, thị trấn HK, huyện HK, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn Q; sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn 8, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Nhật T; sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn 8, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trần Thị Như Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Như Q kết hôn với anh Nguyễn Hồng Q người cùng xã trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2001 tại UBND xã TS. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà chồng ở thôn VP, xã TS, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hồng Q.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hùng L, sinh ngày 10/12/2006 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 18/10/2009. Chị Trần Thị Như Q có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Ngọc Q và không yêu cầu anh Nguyễn Hồng Q cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Chị Trần Thị Như Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

Quá trình chung sống vợ chồng có được các tài sản chung và yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi như sau:

Các tài sản của bố mẹ anh Q để lại cho vợ chồng gồm: Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 34, diện tích 574,7m² (trong đó đất ở 200m², đất vườn 374,7m²); 01 nhà ngang xây tường lợp ngói đỏ, nền lát gạch cẩm trang có diện tích 26,6m²; 01 nhà rom xung quanh xây tường mái lợp piarôximăng có diện tích 26,7m²; 01 nhà chái gắn với nhà rom mái lợp piarôximăng có diện tích 6,6m²; 01 bộ bàn ghế xa lông bằng gỗ lim 3 ghế đơn, một ghế đôi; 01 tủ bích phê bằng gỗ dổi; 01 giường bằng gỗ dổi 1, 5 mét; 01 giường bằng gỗ lim 1,6 mét; 01 nồi cơm điện; 01 hệ thống đường điện; Hệ thống hàng rào (phía Tây xây gạch có chiều cao 1,5 mét; chiều dài 20,65 mét; phía Nam có chiều cao 1,4 mét; chiều dài 14 mét; phía Bắc xây gạch có chiều cao 1,5 mét; chiều dài 11,38 mét); 01 tivi 21 in nhãn hiệu TLC (em trai anh Q mua cho bố mẹ).

Các tài sản hoàn toàn do vợ chồng tạo lập nên gồm: 01 nhà chái gắn với nhà chính mái lợp piarôximăng có diện tích 16m²; 01 mái che lợp piarôximăng khung

bằng tuýp sắt che phần sân có diện tích 29,4m²; sân láng xi măng (gồm 3 phần: sân dưới mái che láng xi măng có diện tích 31,7m²; sân láng xi măng gắn ngõ vào có diện tích 35,6m²; sân láng xi măng có diện tích 39,6m²); Hàng rào đất xây gạch có chiều cao 0,82 mét; chiều dài 8,8 mét; Hệ thống hàng rào (phía Đông xây gạch có chiều cao 1,5 mét; chiều dài 14,51 mét; phía Nam có chiều cao 1,4 mét; chiều dài 4 mét); Cổng sắt 2 cánh làm bằng lưới b40 và tuýp sắt có chiều rộng 2,7 mét, chiều cao trung bình 2,4 mét; 02 cột cổng xây gạch mỗi cột vuông 40cm, chiều cao 2,1 mét); Ngõ láng xi măng có diện tích 30m²; 01 xe máy nhãn hiệu Wave an pha biển kiểm soát 38D1 – 102.43 mang tên anh Nguyễn Hồng Q; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream (biển kiểm soát 37B1 – 896.56 mang tên Nguyễn Viết Đ, xe anh Q mua lại chưa sang tên đổi chủ); 01 giường bằng gỗ lim 1,6 mét; 01 cái sập bằng tôn; 01 cái tủ đứng đựng quần áo bằng tôn; 01 bếp ga; 01 nồi cơm điện; 01 số gỗ xoan đào; 01 hệ thống đường nước sạch; 01 cái tủ lạnh.

Các tài sản bố mẹ anh Q để lại vợ chồng có đầu tư sửa chữa gồm: 01 nhà chính cấp 4 mái lợp ngói đỏ, nhà 3 gian vì bằng gỗ và một đầu gác tường, diện tích 72,6 m²; 01 nhà bếp xây tường, lát gạch cẩm trang, mái lợp piarôxi măng có diện tích 17m².

Các tài sản chung vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu tòa phân chia gồm:

Số tiền 18.000.000 đồng của vợ chồng mua bảo hiểm nhân thọ; 01 máy tuốt lúa và 01 tủ lạnh.

Theo các văn bản ghi lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Hồng Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q nhất trí như lời trình bày của chị Q về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với chị Q.

Về con chung: Anh Q thống nhất như lời trình bày ở trên của chị Q. Anh có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Hùng L, sinh ngày 10/12/2006 và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh Q cơ bản thống nhất như trình bày của chị Q về số lượng, đặc điểm, nguồn gốc tài sản của vợ chồng. Tuy nhiên, anh Q chỉ đồng ý chia các tài sản của chồng tạo lập nên và phần đất ở 200m² còn phần đất vườn 374,7m² và các tài sản của bố mẹ anh để lại là của anh chị em trong gia đình nên không đồng ý chia cho vợ chồng.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Hồng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các văn bản ghi lời khai, quá trình giải quyết vụ án các anh chị Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Nhật T, Nguyễn Viết X trình bày:

Bố mẹ các anh chị là ông Nguyễn Văn D bà Nguyễn Thị Đ sinh được 5 người con gồm Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Hồng Q, Nguyễn Nhật T và Nguyễn Viết X; sau khi bố mẹ chết (2007 và 2009) có để lại khối tài sản gồm căn nhà gỗ 3 gian, nhà ngang, chuồng bò, đất ở 200m² và đất vườn 374,7m² tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 34 và một số tài sản khác. Tháng 12/2014 các anh chị em thống nhất làm thủ tục chuyển quyền sử dụng cho anh Q chị Q diện tích 200m² đất ở, còn hơn 374,7m² đất vườn để làm nhà thờ. Nay vợ chồng ly hôn các anh chị yêu cầu vợ chồng trả lại diện tích đất vườn để làm nhà thờ và chia thừa kế các tài sản của cha mẹ để lại.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, có một số tồn tại như một số văn bản lấy lời khai đương sự Thẩm phán chưa ký, một số thủ tục trong hồ sơ không có, một số tài sản của vợ chồng chung với người khác nhưng chưa làm rõ dẫn đến phải tạm ngừng phiên tòa. Ngoài anh Nguyễn Viết X thì những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt tại phiên tòa là không chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật.

Về tình cảm, con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 53, 54, 55; Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị Như Q và anh Nguyễn Hồng Q; giao con chung Nguyễn Hùng L, sinh ngày 10/12/2006 cho anh Nguyễn Hồng Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; giao con chung Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 18/10/2009 cho chị Trần Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng tuổi trưởng thành. Anh Q, chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Về tài sản: Căn cứ Điều 29, 33, 38, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chia đôi cho vợ chồng, tuy nhiên xét về nguồn gốc đất nên giao cho anh Q một phần lớn hơn phần chị Q từ khoảng 50m² đến 100m². Các tài sản khác của vợ chồng trị giá 107.446.000 đồng chia đôi, vợ hoặc chồng lấy tài sản thì phải giao phần chênh lệch cho bên kia số tiền tương đương với tài sản họ được hưởng.

Các tài sản của bố mẹ anh Q để lại như nhà ngang, nhà rơm, nhà chái gắn với nhà rơm, 01 bộ bàn ghế xa lông gỗ lim, 01 tủ bích phê gỗ dổi, 01 giường gỗ dổi 1,5m, 01 giường gỗ lim 1,6m, 01 nồi cơm điện, hệ thống hàng rào, 67,65m², ti vi 21in tạm giao cho anh Q quản lý, nếu anh Q và các đồng thừa kế có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 24, điểm a, b Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, buộc chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh Q và chị Q phải chịu án phí tương đương giá trị tài sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa nguyên đơn chị Trần Thị Như Q và bị đơn anh Nguyễn Hồng Q đều trú tại Thôn VP, xã TS, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Như Q và anh Nguyễn Hồng Q kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2001 tại UBND xã TS, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị Q và anh Q do UBND xã TS, huyện ĐT cấp và chị Q giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tình trạng hôn nhân vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, quan điểm và lối sống hai vợ chồng không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng nghi ngờ nhau không chung thủy. Hiện nay vợ chồng sống chung trong nhà nhưng không quan tâm nhau. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng.

Tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa chị Q và anh Q đều thuận tình ly hôn vì vậy cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị Q và anh Q.

[3]. Về con chung:

Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hùng L, sinh ngày 10/12/2006 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 18/10/2009.

Xét việc chị Q, anh Q thỏa thuận giao con Nguyễn Hùng L cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Ngọc Q cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp nguyện vọng

hai con nên chấp nhận thỏa thuận theo Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[4]. Về tài sản chung:

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/8/2018 và kết quả thẩm định bổ sung ngày 05/9/2018 của Tòa án và kết quả thẩm định giá theo Chứng thư định giá số 1808009/CT-TPV ngày 28/8/2018 của Công ty thẩm định giá & giám định Tiên Phong được các đương sự thống nhất, cùng các tài liệu do đương sự cung cấp, khối tài sản chị Q anh Q đang quản lý, sử dụng được xác định như sau:

4.1. Xác định các tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Q chị Q và phân chia như sau:

Số lượng tài sản, nguồn gốc và giá trị:

- Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 34 tại thôn VP, xã TS, huyện ĐT diện tích 574,7m²; trị giá 255.382.913 đồng (trong đó đất ở 200m² trị giá 122.014.400 đồng, đất vườn 374,7m² trị giá 133.314.513 đồng).

Đây là tài sản của do bố mẹ anh Q chết không để lại di chúc. Theo chị Q, anh X, anh Q, anh T (là những người đồng thừa kế với anh Q) và anh Q trình bày sau khi bố mẹ chết các anh chị em thống nhất cho anh Q chị Q 200m² đất ở, còn đất vườn để xây nhà thờ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, các anh chị nhất trí với hồ sơ cấp đất cho anh Q chị Q và theo hồ sơ cấp đất thể hiện diện tích đất anh chị em thống nhất chuyển giao quyền sử dụng cho anh Q chị Q là 574,7m², trong đó đất ở 200m², đất vườn 374,7m². Do đó, xác định toàn bộ diện tích đất ở và đất vườn 574,7m² thuộc quyền sử dụng của vợ chồng anh Q chị Q.

- Nhà chính cấp 4 trị giá 60.374.160 đồng (mái lợp ngói đỏ, nhà 3 gian vì bằng gỗ và một đầu gác tường, nền lát gạch hoa, ốp chân ri, phòng lòi lợp piarôxi măng, có 4 cánh cửa gỗ đôi, một cánh gỗ lim, một bộ cửa sổ phòng lòi gỗ đôi; diện tích 72,6 m², chiều rộng 8,8 mét, chiều dài 8,25 mét).

- Nhà bếp trị giá 7.267.500 đồng (tường xây, nền lát gạch cẩm trang, mái lợp Prôximăng có diện tích 17m², chiều rộng 3,8 mét, chiều dài 4,5 mét).

- Hệ thống đường điện trị giá 3.000.000 đồng.

Đây là hai ngôi nhà vợ chồng anh Q chị Q chi phí xây dựng vào năm 2009 và 2014 (sau khi bố mẹ chết), trong đó nhà chính có một phần gỗ gồm cột, xà, hạ, vì kèo, hoành tải và nhà bếp sửa chữa trên cơ sở nhà cũ của bố mẹ để lại. Việc anh Q chị Q xây dựng nhà kiên cố và sửa chữa, thay thế hệ thống đường điện các anh chị em trong gia đình đều biết, anh chị sử dụng trong một thời gian dài các anh em không có ý kiến phản đối nên cần xác định mọi người đã nhất trí cho vợ chồng hệ thống điện và số gỗ này làm nhà ở là hợp lý; mặt khác anh Q cũng thừa nhận khi

làm ngôi nhà chính thì bố mẹ và em trai chị Q cho vợ chồng tiền mặt và một số gỗ để làm nhà. Do đó, các tài sản trên (có giá trị 70.641.660 đồng) phân chia cho anh chị là hợp lý.

- Mái che trị giá 2.425.050 đồng (lợp Prôximăng khung bằng tuýp sắt có 4 cột bê tông che phần sân có diện tích 29,4m², chiều rộng một chiều 3,6 mét và một chiều 2,65 mét, chiều dài 8,8 mét).

- Nhà chái gắn với nhà chính trị giá 5.865.600 đồng (mái lợp Prôximăng có diện tích 16m², chiều rộng 5 mét, chiều dài 3,2 mét).

- Sân lát xi măng gồm 3 phần tổng diện tích 106,9m²; trị giá 3.848.400 đồng.

- Hệ thống hàng rào trị giá 3.527.262 đồng (gồm hàng rào đất xây gạch chiều cao 0,82 mét, chiều dài 8,8 mét; hàng rào phía Đông xây gạch có chiều cao 1,5 mét; chiều dài 14,51 mét; phía Nam có chiều cao 1,4 mét; chiều dài 4 mét).

- Cổng sắt 2 cánh trị giá 1.088.640 đồng (làm bằng lưới B40 và tuýp sắt có chiều rộng 2,7 mét, chiều cao trung bình 2,4 mét).

- 02 cột cổng xây gạch trị giá 862.445 đồng (mỗi cột vuông 40cm, chiều cao 2,1 mét).

- Ngõ lát xi măng trị giá 1.080.000 đồng (có diện tích 30m², chiều dài từ cổng vào 10 mét, chiều rộng 3 mét).

- 01 xe máy nhãn hiệu Wave an pha màu đỏ, biển kiểm soát 38D1-102.43 mang tên anh Nguyễn Hồng Q; trị giá 6.400.000 đồng.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu mận chín, biển kiểm soát 37B1-896.56 mang tên Nguyễn Viết Đ do anh Q mua lại chưa sang tên đổi chủ; trị giá 7.200.000 đồng.

- 01 giường cưới bằng gỗ lim 1,6 mét trị giá 800.000 đồng.

- 01 cái sập bằng tôn trị giá 700.000 đồng.

- 01 cái tủ đựng đựng quần áo bằng tôn hai cánh, trị giá 150.000 đồng.

- 01 bếp ga trị giá 550.000 đồng.

- 01 nồi cơm điện trị giá 150.000 đồng.

- 01 số gỗ và ván xoan đầu gác trên trần nhà chính, trị giá 100.000 đồng.

- Hệ thống đường nước sạch trị giá 2.000.000 đồng.

Các tài sản trên (trị giá 36.747.397 đồng) hoàn toàn do vợ chồng tạo lập nên cần chia cho vợ chồng là hợp lý.

Các tài sản chung của vợ chồng anh Q và chị Q đang quản lý, sử dụng chung tại gia đình có tổng giá trị 362.771.970 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh chị đều có nguyện vọng được sở hữu tài sản bằng hiện vật để có nơi ở ổn định. Xét thấy việc chia tài sản bằng hiện vật là đúng pháp luật và phù hợp thực tế nên chấp nhận. Tuy nhiên, đối với đất ở đất vườn có nguồn gốc của bố mẹ anh Q để lại nên phân chia cho anh Q phần nhiều hơn; các tài sản khác xác định công sức tương đương nên phân chia đều cho vợ chồng, cụ thể như sau:

Chia cho chị Trần Thị Như Q sở hữu các tài sản sau:

- Diện tích đất ở 70m² và đất vườn 181m² thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 34 tại thôn VP, xã TS, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; trị giá 107.103.030 đồng (trong đó đất ở 70m² trị giá 42.705.040 đồng, đất vườn 181m² trị giá 64.397.990 đồng). Ranh giới: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn L có chiều dài 5,2 mét; phía Nam giáp đường thôn xóm có chiều dài 8,36 mét; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị L dài 38,15 mét; phía Đông giáp đất anh Nguyễn Hồng Q được chia dài 35,95 mét.

- Phòng lõi nhà chính cấp 4 và 1 vì gỗ có 4 cột, diện tích 27,8m², trị giá 23.121.000 đồng.

- Phần sân xi măng dưới mái che diện tích 10,9m², trị giá 392.400 đồng.

- Phần mái che bằng Proximăng có gắn 1 cột bê tông, diện tích 9,9m², trị giá 817.050 đồng.

- Nhà chái gắn với phòng lõi nhà chính diện tích 16m², trị giá 5.865.600 đồng.

- Phần sân xi măng trước mái che diện tích 14,5m², trị giá 522.000 đồng.

- 01 xe máy nhãn hiệu Wave an pha, biển kiểm soát 38D1-102.43 mang tên anh Nguyễn Hồng Q, trị giá 6.400.000 đồng.

- 01 giường cưới bằng gỗ lim 1,6 mét, trị giá 800.000 đồng.

- 01 cái tủ đứng đựng quần áo bằng tôn, trị giá 150.000 đồng.

- 01 bếp ga trị giá 550.000 đồng.

- 01 nồi cơm điện trị giá 150.000 đồng.

- Hàng rào dất 2,67 m² trị giá 281.867 đồng.

- Hệ thống đường điện trị giá 3.000.000 đồng.

- Số tiền chênh lệch tài sản anh Q hoàn trả là 11.673.671,5 đồng.

Chị Q được hưởng khối tài sản chung của vợ chồng có tổng giá trị là 160.826.118,5 đồng (gồm đất 107.103.030 đồng, tài sản khác bằng hiện vật là

42.049.917 đồng, tiền mặt là 11.673.171,5 đồng). Trong đó tiền đất không tính vào chênh lệch giá trị tài sản.

Chia cho anh Nguyễn Hồng Q sở hữu các tài sản sau:

- Diện tích đất ở 130m² và đất vườn 193,7m² thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 34 tại thôn VP, xã TS, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; trị giá 148.225.883 đồng (trong đó đất ở 130m² trị giá 79.309.360 đồng, đất vườn 193,7m² trị giá 68.916.523 đồng). Ranh giới: Phía Bắc giáp đất hộ ông Nguyễn Văn L dài 10,68 mét; phía Nam giáp đường thôn xóm dài 10,48 mét; phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị T dài 31,44 mét; phía Tây giáp đất chị Trần Thị Như Q được chia dài 35,95 mét.

- Phòng khách và phòng ngủ nhà chính cấp 4 và 2 vì gỗ có 2 cột, diện tích 44,8m², trị giá 37.253.160 đồng.

- Phần sân xi măng dưới mái che diện tích 19,5m², trị giá 702.000 đồng.

- Phần mái xe bằng Proximăng có gắn 3 cột bê tông, diện tích 19,5m², trị giá 1.608.000 đồng.

- Phần sân xi măng trước mái che diện tích 62m², trị giá 2.232.000 đồng.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu mận chín, biển kiểm soát 37B1-896.56 mang tên Nguyễn Viết Đ (xe anh Q mua lại chưa sang tên đổi chủ), trị giá 7.200.000 đồng.

- Nhà bếp xây tường, nền lát xi măng, mái lợp piarôxi măng, diện tích 17m²; chiều rộng: 3,8 mét; chiều dài: 4,5 mét, trị giá 7.267.500 đồng.

- Hệ thống hàng rào 32,38 m² trị giá 3.302.515 đồng (gồm: phía Nam dài 4 mét; phía Đông dài 14,51 mét; hàng rào dất dài 5,43 mét).

- Cổng sắt 2 cánh làm bằng lưới B40 và tuýp sắt có chiều rộng 2,7 mét, chiều cao trung bình 2,4 mét, trị giá 1.088.640 đồng.

- 02 cột cổng xây gạch mỗi cột vuông 40cm, chiều cao 2,1 mét, trị giá 862.445 đồng.

- Ngõ lát xi măng có diện tích 30m², chiều dài từ cổng vào 10 mét, chiều rộng 3 mét, trị giá 1.080.000 đồng.

- Hệ thống đường ống dẫn nước sinh hoạt trị giá 2.000.000 đồng.

- Một số gỗ và ván xoan đầu gác trên trần nhà chính trị giá 100.000 đồng.

- 01 cái sập bằng tôn trị giá 700.000 đồng.

Anh Q được hưởng khối tài sản chung của vợ chồng có tổng giá trị là 213.622.143 đồng (gồm đất 148.225.883 đồng, tài sản khác bằng hiện vật trị giá

65.396.260 đồng). Anh Q phải bồi hoàn số tiền chênh lệch tài sản cho chị Q là 11.673.171,5 đồng.

Ngoài ra tại phiên tòa chị Q anh Q thống nhất số tiền 18.000.000 đồng mua bảo hiểm, 01 máy tuốt lúa, 01 tủ lạnh của vợ chồng mua không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét; trên phần đất được chia có một số tài sản khác không kê khai mà thuộc phần đất của ai được chia thì người đó được sở hữu nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

4.2. Xác định các tài sản không thuộc quyền sở hữu của anh Q chị Q:

- Nhà ngang xây tường lợp ngói đỏ, nền lát gạch cẩm trang, diện tích 26,6m², chiều rộng 5,9 mét, chiều dài 4,5 mét.
- Nhà rom xung quanh xây tường mái lợp piarôximăng có diện tích 26,7m², chiều rộng 5,8 mét, chiều dài 4,6 mét.
- Nhà chái gắn với nhà rom mái lợp piarôximăng có diện tích 6,6m², chiều rộng 2,2 mét, chiều dài 3 mét.
- 01 bộ bàn ghế xa lông bằng gỗ lim gồm 3 ghế đơn, 1 ghế đôi.
- 01 cái tivi 21 in nhãn hiệu TLC loại cũ.
- 01 giường bằng gỗ đôi 1,5 mét và một giường bằng gỗ lim 1,6 mét.
- 01 tủ bích phê bằng gỗ đôi.
- 01 nồi cơm điện.
- Hệ thống hàng rào 69,55 m² (gồm trên đất chị Q được chia 50,48 m², phía Nam dài 8,36 mét, phía Bắc dài 5,2 mét, phía Tây dài 20,65 mét, trị giá 5.148.858 đồng; trên đất anh Q được chia 19,07 mét, phía Nam dài 7 mét, phía Bắc dài 6,18 mét, trị giá 1.945.140 đồng).

Các tài sản trên đây nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đều trình bày thống nhất nguồn gốc là tài sản của ông D bà Đ để lại nhưng chị Q xác định anh chị em đã cho vợ chồng nên yêu cầu Tòa chia đôi cho vợ chồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh Q chị Q thừa nhận chỉ sử dụng mà không cải tạo, sửa chữa gì đối với các tài sản trên; mặt khác những người thừa kế của ông D bà Đ đều xác định số tài sản trên sau khi bố mẹ chết đang tạm giao cho anh chị sử dụng để anh em bàn bạc phương án xây dựng nhà thờ mà chưa quyết định cho anh chị. Trong khi đó chị Q không xuất trình được chứng cứ chứng minh các tài sản trên đã được anh em cho vợ chồng nên yêu cầu của chị không có cơ sở chấp nhận mà cần xác định đây là tài sản của ông D bà Đ để lại cho những người thừa kế. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

không nộp tạm ứng án phí nên tạm giao số tài sản trên cho anh Q quản lý và giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định pháp luật.

- Trong số các tài sản trên có hệ thống hàng rào 50,48 m², trị giá 5.148.858 đồng nằm trên phần đất chị Q được chia, nay giao cho chị Q được sở hữu và chị phải bồi hoàn số tiền trên cho những người thừa kế của ông D bà Đ.

Các tài sản khác nằm trên đất anh Q được chia và số tiền 5.148.858 đồng do chị Q hoàn trả tạm giao cho anh Q đại diện những người thừa kế quản lý, khi có yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

[5]. Chi phí thẩm định giá tài sản:

Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 157 và Khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Q và anh Q mỗi người phải chịu ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ chị Q, anh Q đã nộp đủ. Chi phí thẩm định giá tài sản chị Q đã nộp đủ, anh Q phải trả lại cho chị Q số tiền 2.500.000 đồng.

[6]. Về nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 157, Khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 59; Điều 62; Khoản 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3; Khoản 1 Điều 6; Điểm a, b Khoản 1 Điều 24; Điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Như Q và anh Nguyễn Hồng Q.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Nguyễn Hùng L, sinh ngày 10/12/2006 cho anh Nguyễn Hồng Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 18/10/2009 cho chị Trần Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị Như Q và anh Nguyễn Hồng Q có quyền, nghĩa vụ thăm non con không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

Chia cho chị Trần Thị Như Q sở hữu các tài sản có tổng giá trị là 165.947.976,5 đồng, gồm:

- Diện tích đất ở 70m² và đất vườn 181m² thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 34 tại thôn VP, xã TS, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Ranh giới được tạo thành bởi các đoạn thẳng nối liền các điểm ABNOHIKLMA trên sơ đồ gồm: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn L có chiều dài 5,2 mét; phía Nam giáp đường thôn xóm có chiều dài 8,36 mét; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị L dài 38,15 mét; phía Đông giáp đất anh Nguyễn Hồng Q được chia dài 35,95 mét.

- Phòng lõi nhà chính cấp 4 diện tích 27,8m².
- Phần sân xi măng dưới mái che diện tích 10,9m².
- Phần mái che bằng Proximăng có gắn 1 cột bê tông, diện tích 9,9m².
- Nhà chái gắn với phòng lõi nhà chính diện tích 16m².
- Phần sân xi măng trước mái che diện tích 14,5m².
- 01 xe máy nhãn hiệu Wave an pha, biển kiểm soát 38D1-102.43.
- 01 giường cưới bằng gỗ lim 1,6 mét.
- 01 cái tủ đứng đựng quần áo bằng tôn.
- 01 bếp ga.
- 01 nồi cơm điện.
- Hàng rào đất 2,67 m².
- Hệ thống đường điện.
- Số tiền chênh lệch tài sản anh Q hoàn trả là 11.673.171,5 đồng.
- Hệ thống hàng rào 50,48m² của bố mẹ anh Q để lại.

Chia cho anh Nguyễn Hồng Q sở hữu các tài sản có tổng giá trị là 213.622.143 đồng, gồm:

- Diện tích đất ở 130m² và đất vườn 193,7m² thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 34 tại thôn VP, xã TS, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Ranh giới được tạo thành bởi các đoạn thẳng nối liền các điểm BCDEFGHONB trên sơ đồ gồm: Phía Bắc giáp đất hộ ông Nguyễn Văn L dài 10, 68 mét; phía Nam giáp đường thôn xóm dài 10,48 mét; phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị T dài 31,44 mét; phía Tây giáp đất chị Trần Thị Như Q được chia dài 35,95 mét.

- Phòng khách và phòng ngủ nhà chính cấp 4 diện tích 44,8m².
- Phần sân xi măng dưới mái che diện tích 19,5m².

- Phần mái xe bằng Proximăng có gắn 3 cột bê tông, diện tích 19,5m².
- Phần sân xi măng trước mái che diện tích 62m².
- 01 xe máy nhãn hiệu HonDa Dream, biển kiểm soát 37B1- 896.56.
- Nhà bếp diện tích 17m².
- Hệ thống hàng rào 32,38 m².
- Cổng sắt 02 cánh và 02 cột cổng.
- Ngõ lảng xi măng có diện tích 30m².
- Hệ thống đường ống dẫn nước sinh hoạt.
- Một số gỗ và ván xoan đầu gác trên trần nhà chính.
- 01 cái sập bằng tôn.

Anh Nguyễn Hồng Q phải bồi hoàn số tiền chênh lệch tài sản cho chị Trần Thị Như Q là 11.673.171,5 đồng.

Chị Trần Thị Như Q phải bồi hoàn số tiền 5.148.858 đồng cho các anh chị Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Nhật T, Nguyễn Hồng Q và Nguyễn Việt X.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Hồng Q và chị Trần Thị Như Q về việc trên phần đất được chia có một số tài sản khác không kê khai mà thuộc phần đất của ai được chia thì người đó được sở hữu.

Các tài sản anh Q, chị Q được sở hữu nằm trên phần đất anh chị được chia quyền sử dụng và có sơ đồ thửa đất, tài sản kèm theo bản án. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu tài sản.

Tạm giao cho anh Nguyễn Hồng Q quản lý các tài sản của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Đ để lại gồm:

Nhà ngang diện tích 26,6m²; Nhà rơm diện tích 26,7m²; Nhà chái diện tích 6,6m²; 01 bộ bàn ghế xa lông bằng gỗ lim; 01 cái tivi 21 in nhãn hiệu TLC; 01 giường bằng gỗ dổi 1,5 mét và một giường bằng gỗ lim 1,6 mét; 01 tủ bích phê bằng gỗ dổi; 01 nồi cơm điện; Hệ thống hàng rào 19,07 m²; Số tiền 5.148.858 đồng do chị Q bồi hoàn.

4. Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Hồng Q phải hoàn trả lại cho chị Trần Thị Như Q số tiền chi phí định giá tài sản chị Q đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Chị Trần Thị Như Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 8.039.956 đồng (Tám triệu không trăm ba chín ngàn chín trăm năm sáu đồng) án phí chia tài sản. Chị Q đã nộp 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu

đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005785 ngày 14/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị Q số tiền 6.660.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Anh Nguyễn Hồng Q phải nộp 10.097.449 đồng (Mười triệu không trăm chín bảy ngàn bốn trăm bốn chín đồng).

5. Về lãi suất và thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung). Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Như Q, anh Nguyễn Hồng Q, anh Nguyễn Viết X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/10/2018.

Chị Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Văn Q và anh Nguyễn Nhật T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện ĐT;
- Chi cục THADS ĐT;
- Các đương sự;
- UBND xã TS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huy Trọng

